

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31/12/2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 -04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN	
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2010.

Báo cáo tài chính Hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các Công ty con sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	100,00%
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang	64,88 %

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Văn Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Lê Vinh Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Thành viên
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Huân	Phó Tổng Giám đốc

2. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 05 đến trang 28 (đính kèm).

Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần	419.242.921.748 VND
Lợi nhuận trước thuế theo sổ kế toán	52.253.528.111 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Công ty kiểm toán

Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhất đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

5. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

ĐOÀN THÀNH ĐẠT

Ngày 08 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhất đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 28/02/2011 từ trang 05 đến trang 28 đính kèm.

Như đã trình bày trong báo cáo của Hội đồng Quản trị tại trang 01 và 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của Chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

1. Như đã nêu tại mục **4.3** Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị quyền sử dụng 5.666,10 m² đất còn lại tại KDC Mỹ Thạnh Hưng theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2010 là **179.919.325** đồng, tuy nhiên giá trị đầu tư thực tế là **4.635.553.460** đồng (818.121đồng/m²). Sự khác biệt này là do phần lớn chi phí để có được quyền sử dụng đất đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm 2006.

Điều này dẫn đến việc ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất trên sổ sách chưa hợp lý và làm ảnh hưởng đến lợi nhuận lũy kế tại ngày 31/12/2010.

2. Số dư phải trả cho Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp tại ngày 31/12/2010 với tổng số 4.287.772.554 VND là kết quả việc xử lý các khoản công nợ lâu năm đã từng được nêu trên Báo cáo kiểm toán giữa niên độ 2010. Việc xử lý và điều chỉnh các khoản công nợ này căn cứ vào thực tế chứng từ gốc có liên quan lưu trữ tại Công ty. Vấn đề này Công ty cũng đã có giải trình cụ thể với Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM. Đến ngày phát hành Báo cáo này, chúng tôi cũng chưa nhận được xác nhận công

nợ với số dư nợ phải trả này. Vì vậy số dư khoản công nợ hoàn toàn căn cứ vào số liệu Công ty cung cấp.

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Chứng chỉ KTV số: 0351/ KTV

PHAN THỊ THỦY TIÊN

Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC QUANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.903.087.289	236.841.674.424
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	34.918.129.457	53.438.288.657
1. Tiền	111		14.704.814.476	9.608.688.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.213.314.981	43.829.600.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	131.921.302.650	88.972.195.821
1. Phải thu khách hàng	131		123.503.665.984	73.069.940.363
2. Trả trước cho người bán	132		8.272.423.713	8.735.486.901
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	3.602.962.008
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	770.868.193
5. Các khoản phải thu khác	135		2.354.562.696	7.968.076.592
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.209.349.743)	(5.175.138.236)
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	93.975.786.382	80.383.069.559
1. Hàng tồn kho	141		93.975.786.382	80.383.069.559
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	6.087.868.800	9.048.120.387
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		607.700.473	549.322.312
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.677.544.096	903.223.321
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		94.381.535	300.981.262
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.708.242.696	7.294.593.492

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.474.317.942	139.398.606.344
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		138.929.329.522	129.335.170.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221		119.794.870.109	106.663.369.255
- Nguyên giá	222	4.5	186.641.141.649	160.795.009.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.846.271.540)	(54.131.640.247)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		15.843.402.062	20.596.422.682
- Nguyên giá	225	4.6	28.518.123.713	28.518.123.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.674.721.651)	(7.921.701.031)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	2.335.416.851	-
- Nguyên giá	228		2.399.422.172	93.523.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.005.321)	(93.523.963)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.8	955.640.500	2.075.378.416
III. Bất động sản đầu tư	240		802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	241	4.9	802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		260.000.000	553.440.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.10	260.000.000	553.440.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.482.880.420	8.707.887.991
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.160.587.089	2.064.816.783
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.322.293.331	6.643.071.208
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.377.405.231	376.240.280.768

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		269.432.679.875	272.853.880.137
I.	Nợ ngắn hạn	310		190.313.102.981	189.805.182.628
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	45.373.827.108	45.883.788.893
2.	Phải trả người bán	312		43.855.717.884	30.688.970.144
3.	Người mua trả tiền trước	313		16.300.017.860	44.586.514.701
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	11.716.599.654	11.584.444.347
5.	Phải trả người lao động	315		6.784.117.597	6.082.342.781
6.	Chi phí phải trả	316	4.12	27.900.059.580	17.121.756.863
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.12	23.738.025.744	25.677.573.003
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.12	2.348.003.176	1.850.584.353
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.296.734.378	6.329.207.543
II.	Nợ dài hạn	330		79.119.576.894	83.048.697.509
4.	Vay và nợ dài hạn	334	4.11	78.712.527.090	82.587.235.990
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		407.049.804	461.461.519
B.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.274.874.232	95.384.180.845
I.	Vốn chủ sở hữu	410	4.14	137.274.874.232	95.384.180.845
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	70.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	300.000.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(111.493.060)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		32.018.718.930	16.291.222.713
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.391.530.776	3.440.479.448
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.164.624.526	5.463.971.744
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	4.16	7.669.851.124	8.002.219.786
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		414.377.405.231	376.240.280.768

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		407,89	
- EUR	I	3.387,96	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	422.409.293.241	386.612.642.287
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	3.166.371.493	35.601.812
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	419.242.921.748	386.577.040.475
4.	Giá vốn hàng bán	11		323.519.878.178	295.559.719.124
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.723.043.570	91.017.321.351
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.2	5.779.205.585	2.125.627.839
7.	Chi phí tài chính	22		12.501.945.959	9.112.923.341
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.501.647.982</i>	<i>8.617.591.374</i>
8.	Chi phí bán hàng	24	5.3	15.109.070.487	7.199.376.865
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	21.284.916.304	34.882.791.844
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.606.316.405	41.947.857.140
11.	Thu nhập khác	31	5.5	1.618.911.179	1.665.660.371
12.	Chi phí khác	32	5.6	1.971.699.473	953.840.985
13.	Lợi nhuận khác	40		(352.788.294)	711.819.386
14.	Lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.253.528.111	42.659.676.526
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		11.573.958.354	7.652.368.067
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		238.819.478	(5.499.565.946)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.440.750.279	40.506.874.405
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		403.154.372	681.348.525
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		40.037.595.907	39.825.525.880
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60	4.17	5.576	5.787

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Deleted: ¶

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	52.253.528.111	42.659.676.526
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	18.308.563.774	15.325.059.759
-	Các khoản dự phòng	03	(2.892.873.121)	4.735.901.146
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(5.472.382)	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.766.969.457)	(2.413.670.052)
-	Chi phí lãi vay	06	12.501.647.982	8.617.591.374
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	66.398.424.907	68.924.558.753
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(39.081.326.117)	(14.400.822.730)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.633.836.099)	(4.614.602.863)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(4.062.518.274)	(4.321.235.234)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	845.851.533	2.425.045.510
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(12.244.266.532)	(8.896.529.828)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.945.393.870)	(1.629.727.441)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.219.321.801	1.124.697.187
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(639.622.261)	(5.620.429.804)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(7.143.364.912)	32.990.953.550
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(29.938.640.452)	(26.315.353.479)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	343.788.667
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	5.000.000.000	(5.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	2.297.379.493	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	206.689.804	1.853.928.443
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(22.434.571.155)	(29.117.636.369)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.400.000.000	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	175.168.202.309	139.106.979.507
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(169.390.094.494)	(102.983.655.641)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(9.335.978.500)	(4.785.325.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.900.566.249)	(7.560.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.941.563.066	23.777.998.866
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(18.636.373.001)	27.651.316.047
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	53.438.288.657	25.903.186.411
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	116.213.801	(116.213.801)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	34.918.129.457	53.438.288.657

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, tên viết tắt là TICCO (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 28/09/2010.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Trụ sở đặt tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Ngành nghề hoạt động

Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; Thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới xà lan; Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi; Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh cát san lấp; Khai thác vận tải; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông; Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Tư vấn đấu thầu, giám sát; Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đấu giá bất động sản; Quản lý bất động sản; Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite; Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; Thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31/12/2010.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Những thay đổi so với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009:

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 80/NQ ngày 28/12/2009 từ ngày 01/01/2010 Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Giao thông Ticco sẽ sáp nhập vào Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco;
- Giảm tỷ lệ sở hữu Công ty Testco từ 80,77% xuống còn 20% trong năm 2010 do đó Công ty Testco là Công ty con trong năm 2009 chuyển thành Công ty liên kết.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm:

Tên công ty	Vốn thực góp		Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)
	Số tiền	%		
Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	38.000.000.000	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	20.000.000.000	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	12.975.000.000	64,88%	64,88%	64,88%

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Thời gian khấu hao ước tính như sau:

	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 12
Thiết bị và dụng cụ quản lý	04 – 06

3.6 Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

3.7 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng (QSD) đất

Thời gian khấu hao

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

QSD 600 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Không khấu hao (QSD đất lâu dài)
QSD 1.429,90 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	440 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 3 năm 2047)
QSD 8.436,20 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	39 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 10 năm 2013)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung – Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và bất lợi thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Bất lợi thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày mua theo Quyết định chấp thuận của Hội đồng Quản trị Công ty. Và được kết chuyển một lần vào kết quả hoạt động trong năm phát sinh.

3.10 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

Phân loại các khoản đầu tư

Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;

Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

3.11 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp như sau:

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

3.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và được khách hàng xác nhận cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.13 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, trong đó:

Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 31/12/2010 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/12/2010 là 80.131.312.823 đồng và chi phí ước tính là 27.622.786.091 đồng;

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²;

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng = $\frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/m}^2$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm 2010 là 38.170,12 m².

3.14 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

Ngoài ra Công ty được hưởng các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% trong những năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Tico, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ hai Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Tico được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

phải nộp trong 07 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn. Năm 2010 là năm thứ ba Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm. Tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2010 căn cứ vào Nghị quyết số 01/NQĐH ngày 24/3/2010.

Đến ngày phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo phân phối lợi nhuận năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang (công ty con) và lợi nhuận quý 4 năm 2010 của Công ty Cổ phần Testco (công ty liên kết). Vì vậy lợi nhuận được phân phối năm 2010 chưa bao gồm các số liệu này.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tiền	14.704.814.476	9.608.688.657
+ Tiền mặt	3.023.445.200	187.010.334
+ Tiền gửi ngân hàng	11.681.369.276	9.421.678.323

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng	20.213.314.981	43.829.600.000
Cộng	34.918.129.457	53.438.288.657
4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn		
	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	123.503.665.984	73.069.940.363
Trả trước cho người bán	8.272.423.713	8.735.486.901
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	3.602.962.008
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	770.868.193
Các khoản phải thu khác	2.354.562.696	7.968.076.592
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.209.349.743) (*)	(5.175.138.236)
Cộng	131.921.302.650	88.972.195.821
(*) Bao gồm dự phòng các khoản nợ khó đòi sau:		
Các khoản dự phòng tại Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco		457.613.526
DNTN Đặng Tài		140.239.999
Công ty TNHH Nam Trường Sanh		309.122.160
Công ty CP ĐT & XD 40		368.611.375
Công ty CP XDGT Thủy lợi Kiên Giang		925.883.360
Ban QL các dự án ĐT & XD Công trình Giao thông Tiền Giang		7.879.323
4.3 Hàng tồn kho		
	31/12/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu	12.504.444.462	9.018.821.799
Công cụ, dụng cụ	3.765.592.130	4.621.868.278
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.808.733.530 (*)	58.746.120.424
Thành phẩm	8.103.770.226	7.672.350.289
Hàng hóa	793.246.034	323.908.769
Cộng	93.975.786.382	80.383.069.559
(*) Bao gồm giá trị của các công trình xây dựng dở dang, chủ yếu:		
Công trình KDC Long Thạnh Hưng		26.174.554.111
Công trình KDC đường Trương Định nổi dài		16.441.349.084
4.4 Tài sản ngắn hạn khác		
	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	607.700.473	549.322.312

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế GTGT được khấu trừ	1.677.544.096	903.223.321
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	94.381.535	300.981.262
Tài sản ngắn hạn khác	3.708.242.696	7.294.593.492
<i>Tạm ứng</i>	<i>3.461.856.664</i>	<i>5.924.045.735</i>
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>246.386.032</i>	<i>1.370.547.757</i>
Cộng	6.087.868.800	9.048.120.387

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, VKT	MMTB	PTVT	TBQL	Tổng cộng
Nguyên giá					
SĐBK	24.800.578.067	106.801.639.025	28.468.004.054	724.788.356	160.795.009.502
Tăng trong kỳ	4.302.045.346	12.567.290.322	11.693.720.004	253.623.552	28.816.679.224
Giảm trong kỳ	2.194.116.563	410.640.905	228.000.000	137.789.608	2.970.547.076
SDCK	26.908.506.850	118.958.288.442	39.933.724.058	840.622.300	186.641.141.650
Hao mòn lũy kế					
SĐBK	2.461.487.539	34.510.295.384	16.674.851.009	485.006.315	54.131.640.247
Tăng trong kỳ	1.253.151.602	14.098.277.646	3.157.364.708	277.223.196	18.786.017.152
Giảm trong kỳ	-	1.524.877.102	4.264.983.819	281.524.937	6.071.385.858
SDCK	3.714.639.141	47.083.695.928	15.567.231.898	480.704.574	66.846.271.541
Giá trị còn lại					
SĐBK	22.339.090.528	72.291.343.641	11.793.153.045	239.782.041	106.663.369.255
SDCK	23.193.867.709	71.874.592.514	24.366.492.160	359.917.726	119.794.870.109

4.6 Tài sản cố định thuê tài chính (Máy móc thiết bị - dây chuyền sản xuất ống công)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	28.518.123.713	-	-	28.518.123.713
Hao mòn lũy kế	7.921.701.031	4.753.020.620		12.674.721.651
Giá trị còn lại	20.596.422.682			15.843.402.062

4.7 Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	93.523.963	2.399.422.172	93.523.963	2.399.422.172
Hao mòn lũy kế	93.523.963	64.005.321	93.523.963	64.005.321
Giá trị còn lại	-		-	2.335.416.851

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang **955.640.500**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Sửa chữa lớn tài sản cố định	102.354.591
Chi phí đầu tư mua sắm tài sản cố định	853.285.909

4.9 Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Hao mòn lũy kế (*)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện trích khấu hao theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

4.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>31/12/2010</u>		<u>01/01/2010</u>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	260.000.000	(b)	553.440.000
Cộng	260.000.000		553.440.000

(a) Vốn đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Giao thông Tiền Giang đã được thu hồi trong 6 tháng đầu năm 2010.

(b) Vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco, giảm tỷ lệ sở hữu từ 80,77% xuống còn 20%, do đó Công ty Testco là Công ty con trong năm 2009 chuyển thành Công ty liên kết.

4.11 Nợ vay

	<u>31/12/2010</u>		<u>01/01/2010</u>
Vay và nợ ngắn hạn	45.373.827.108	(a)	45.883.788.893
Vay dài hạn	73.712.527.090	(b)	68.251.257.490
Nợ dài hạn	5.000.000.000	(c)	14.335.978.500
Cộng	124.086.354.198		128.471.024.883

(a) Vay ngắn hạn, bao gồm:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	42.945.726.268
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh An Giang	2.428.100.840

(b) Vay dài hạn, bao gồm:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tiền Giang	39.480.842.090
Ngân hàng Phát triển Nhà ĐBSCL	11.000.000.000
CN Ngân hàng Phát triển Tiền Giang	8.231.685.000
Quỹ ĐT & PT Tiền Giang	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Đây là khoản nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính không hủy ngang số 050/2007/HĐTTC ngày 08/03/2007 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 050/2007/Pl-HĐCTTC ngày 27/07/2008. Tài sản cố định thuê tài chính của khoản thuê này đã bàn giao cho Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco sử dụng.

4.12 Nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Phải trả người bán	43.855.717.884	30.688.970.144
Người mua trả tiền trước	16.300.017.860	44.586.514.701
Phải trả người lao động	6.784.117.597	6.082.342.781
Chi phí phải trả	27.900.059.580 (a)	17.121.756.863
Phải trả, phải nộp khác	23.738.025.744 (b)	25.677.573.003
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.348.003.176 (c)	1.850.584.353
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.296.734.378 (d)	6.329.207.543
Cộng	<u>133.222.676.219</u>	<u>132.336.949.388</u>

(a) Chủ yếu trích trước chi phí Công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng 25.380.773.938.

(b) **Phải trả khác**, chủ yếu các khoản phải trả phát sinh ở Công ty mẹ :

Phải trả về cổ phần hóa	10.781.795.988
Phải trả Công ty phát triển hạ tầng KCN	4.287.772.554
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	704.408.129
Cổ tức năm 2010 chưa chi	6.750.000.000

(c) Dự phòng bảo hành công trình.

(d) **Quỹ khen thưởng, phúc lợi** bao gồm:

Quỹ khen thưởng	4.527.918.210
Quỹ phúc lợi	6.982.016.779
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty năm 2010	786.799.389

4.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Thuế GTGT phải nộp	5.056.599.445	2.740.027.173
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.368.597.110	8.464.310.491
Thuế thu nhập cá nhân	95.761.808	53.390.823

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế tài nguyên	9.600.000	30.664.184
Thuế, phí khác	186.041.291	296.051.676
Cộng	11.716.599.654	11.584.444.347

4.14 Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	300.000.000	415.335.669	1.408.420.914	12.071.411.382
- Tăng trong năm trước	-	-	15.875.887.044	2.032.058.534	39.825.525.881
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	46.432.965.519
Số dư cuối năm trước	70.000.000.000	300.000.000	16.291.222.713	3.440.479.448	5.463.971.744
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	300.000.000	16.291.222.713	3.440.479.448	5.463.971.744
- Tăng trong năm	10.000.000.000	10.400.000.000	15.727.496.217	1.951.051.328	3.700.652.782
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	10.700.000.000	32.018.718.930	5.391.530.776	9.164.624.526

Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000)

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	7.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	7.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	7.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.15 Lợi ích của các Cổ đông thiểu số

	Công ty CP ĐTXD Ticco An Giang
Vốn điều lệ đã góp	7.025.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	144.774.824
Quỹ dự phòng tài chính	35.794.414
Lợi nhuận chưa phân phối	464.281.886
Cộng	7.669.851.124

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	40.440.750.279	40.506.874.405
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	40.440.750.279	40.506.874.405
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.252.055	7.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.576	5.787

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
Tổng doanh thu	422.409.293.241	386.612.642.287
Giảm giá hàng bán	3.166.371.493	35.601.812
Doanh thu thuần	419.242.921.748	386.577.040.475

5.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	5.406.629.244	2.066.820.053
Lãi nhượng bán cổ phần	178.945.500	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	11.393.606
Lãi cho vay	104.951.215	
Cổ tức công ty liên kết	60.594.985	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu khác	28.084.641	47.414.180
Cộng	5.779.205.585	2.125.627.839
5.3 Chi phí bán hàng		
	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên bán hàng	2.755.560.929	1.133.072.500
Chi phí dụng cụ bán hàng	109.032.732	37.684.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.812.399	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.125.331.905	2.929.978.586
Chi phí bằng tiền khác	4.987.332.522	3.098.641.063
Cộng	15.109.070.487	7.199.376.865
5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí lương nhân viên	13.089.822.583	14.104.929.014
Chi phí vật liệu quản lý	1.234.025.655	2.789.298.824
Chi phí đồ dùng văn phòng	665.522.867	329.777.875
Chi phí khấu hao	546.707.463	769.780.084
Thuế, phí và lệ phí	630.329.059	973.587.891
Chi phí dự phòng	(2.965.788.493)	4.655.803.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	952.220.708	1.080.521.585
Chi phí bằng tiền khác	7.132.076.462	10.179.092.948
Cộng	21.284.916.304	34.882.791.844
5.5 Thu nhập khác		
	Năm 2010	Năm 2009
Thu nhập chuyển nhượng tài sản	-	791.863.378
Tiền bảo hành	-	31.048.181
Hoàn nhập chi phí bảo hành	497.460.718	-
Thu bồi thường, phạt vi phạm	958.487.763	
Bất lợi thương mại	-	564.754.305
Thu nhập khác	162.962.698	277.994.507
Cộng	1.618.911.179	1.665.660.371

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.6 Chi phí khác

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ chuyển nhượng	268.201.084	465.996.908
Xử lý công nợ	170.442.675	6.001.912
Hoàn trả tiền thi công công trình	-	183.574.142
Chi phí bảo hành công trình	-	250.589.447
Chi phí bồi thường sạt lở kè Hiệp Thạnh	953.197.063	
Phạt vi phạm	395.899.373	-
Chi phí khác	183.959.278	47.678.576
Cộng	<u>1.971.699.473</u>	<u>953.840.985</u>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Testco – Công ty liên kết với 20% vốn góp chủ sở hữu.

Trụ sở chính đặt tại số Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5303000080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 30/11/2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 26/05/2008.

Đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này, khoản đầu tư trên được ghi nhận theo giá gốc theo báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Testco.

6.2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với qui định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc